



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Ngọc Sinh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2022) Thành viên (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 27 tháng 01 năm 2022)
Ông Lê Trung Hà	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2022) Thành viên (Từ ngày 28 tháng 01 năm 2022)
Ông Phạm Sĩ Tú	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Linh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Nga	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Linh Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hồng Hải	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thư	Trưởng ban
Bà Lương Thu Hoài	Thành viên
Ông Lê Vũ Cường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Hoàng Linh Sơn - Giám đốc và ông Vũ Ngọc Sinh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Linh Sơn

Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Số: 032802/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Công ty là 80.348.129.024 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 93.091.130.955 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của các cổ đông. Những điều kiện này cùng các vấn đề khác trình bày tại Thuyết minh số II cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Phương Liên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.107.164.849	22.309.693.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.812.181.675	13.067.386.696
1. Tiền	111		8.812.181.675	7.067.386.696
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	45.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		45.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.067.862.446	7.895.640.862
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.457.236.144	3.790.518.629
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.013.815.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.370.120.134	5.878.431.065
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.773.308.832)	(1.773.308.832)
IV. Hàng tồn kho	140		21.548.000	133.764.000
1. Hàng tồn kho	141	V.7	21.548.000	133.764.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		205.572.728	212.901.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	22.587.946	26.063.014
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	182.984.782	186.838.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.555.176.922	17.590.412.486
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	-	-
- Nguyên giá	222		2.794.300.102	2.794.300.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.794.300.102)	(2.794.300.102)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		97.929.100	97.929.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.929.100)	(97.929.100)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.447.000.000	17.447.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	17.447.000.000	17.447.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		108.176.922	143.412.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	108.176.922	143.412.486
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.662.341.771	39.900.105.840

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.523.088.416	25.503.854.416
I. Nợ ngắn hạn	310		63.994.132.975	18.894.571.905
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.870.296.361	1.862.220.377
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	30.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	806.692.207	874.197.119
4. Phải trả người lao động	314		18.867.091.949	13.044.056.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	52.847.945	225.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		740.482.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.908.290.917	2.317.216.226
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	9.535.300.000	35.300.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		213.131.596	536.581.596
II. Nợ dài hạn	330		6.528.955.441	6.609.282.511
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	400.000.000	400.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	6.128.955.441	6.209.282.511
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.139.253.355	14.396.251.424
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	27.139.253.355	14.396.251.424
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.003.910.000	61.003.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.003.910.000	61.003.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		47.158.330.000	47.158.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(685.057.621)	(685.057.621)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.200.000	10.200.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(80.348.129.024)	(93.091.130.955)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(93.091.130.955)	(102.328.630.206)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.743.001.931	9.237.499.251
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.662.341.771	39.900.105.840



Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu



Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	164.427.682.129	113.953.079.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		164.427.682.129	113.953.079.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	144.367.619.957	104.829.122.656
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.060.062.172	9.123.957.220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	826.846.314	464.401.804
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.304.769	(3.101.991.904)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.747.945	(3.185.940.434)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.988.150.291	7.992.451.159
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.850.453.426	4.697.899.769
10. Thu nhập khác	31	VI.6	1.237.960.636	10.291.754.668
11. Chi phí khác	32	VI.7	264.239.731	5.752.155.186
12. Lợi nhuận khác	40		973.720.905	4.539.599.482
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.824.174.331	9.237.499.251
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	81.172.400	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.743.001.931	9.237.499.251

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	12.824.174.331	9.237.499.251
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Các khoản dự phòng	03	-	(1.975.127.689)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.671.925)	8.211.329
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(476.257.445)	(549.265.707)
Chi phí lãi vay	06	3.747.945	(3.185.940.434)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	12.279.992.906	3.535.376.750
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(17.168.367.584)	2.634.741.052
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	112.216.000	4.617.879.237
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	35.821.692.793	(7.767.292.909)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	38.710.632	4.831.662.760
Tiền lãi vay đã trả	14	(225.000.000)	(29.707.900)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(81.172.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.778.072.347	7.822.658.990
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	330.000.000
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(44.000.000.000)	(1.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	476.257.445	249.265.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.523.742.555)	1.579.265.707
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.500.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(5.500.000.108)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.500.000.000	(5.500.000.108)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.245.670.208)	3.901.924.589
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.067.386.696	9.174.245.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.534.813)	(8.783.660)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.812.181.675	13.067.386.696

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 77/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải “về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty Cổ phần”. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200344784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 61.003.910.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:

- Tổ chức tuyển và đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên hợp tác lao động với nước ngoài;
- Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động;
- Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước; và
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và một công ty con.

Đơn vị	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Chi nhánh				
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận hàng hoá và môi giới hàng hải và dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa nhỏ cho tàu biển trong và ngoài nước.
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO	Hải Phòng	79,30%	79,30%	Vận tải đường biển, đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê văn phòng, bán buôn kim loại và quặng sắt, cung ứng và quản lý nguồn lao động.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 492 người (31 tháng 12 năm 2020 là 450 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Công ty là 80.348.129.024 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 93.091.130.955 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của các cổ đông.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện là: Công ty thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi gián tiếp,...

Ban Giám đốc Công ty quyết định lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty: Nhật ký chung

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE có thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; các khoản phí bảo hiểm thuyền viên; phí bảo hiểm thân tàu; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (tàu biển) và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	44.315.945	125.023.024
Tiền gửi ngân hàng	8.767.865.730	6.942.363.672
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	9.812.181.675	13.067.386.696

(*) Khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hải phòng, lãi suất 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	45.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hải Phòng	30.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hải Phòng	8.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hải Phòng	7.000.000.000	-
Cộng	45.000.000.000	1.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng, lãi suất từ 4,7%/năm đến 6,25%/năm.

05 hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hải Phòng có giá trị 10.000.000.000 đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hải Phòng tại thuyết minh số V.17.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Inlaco Japan Co, Ltd	100.879.600	168.934.558
Công ty TNHH Hào Hưng	6.235.877.387	2.281.621.201
Công ty TNHH MTV VTB Gemadep	1.018.120.968	661.305.931
Các khách hàng khác	1.102.358.189	678.656.939
Cộng	8.457.236.144	3.790.518.629
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	30.800.000	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư XDTM và vận tải Đức Nhân (*)	11.000.000.000	-
Các đối tượng khác	13.815.000	-
Cộng	11.013.815.000	-

(*) Khoản tạm ứng tiền mua vật liệu san lấp theo hợp đồng nguyên tắc số 01/2021/HĐNT/ILC-DUCNHAN về việc mua bán vật liệu san lấp trong quá trình giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trụ sở văn phòng, nhà cán bộ công nhân viên và khu kinh doanh dịch vụ tổng hợp tại xã Thống Nhất, thành phố Hạ long.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược	5.872.801.024	4.936.374.592
Tạm ứng	1.202.288.500	30.000.000
Phải thu khác	295.030.610	912.056.473
<i>Trong đó:</i>		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	234.252.054	49.013.700
Phải thu bảo hiểm của Tổng công ty CP Bảo Minh	-	863.042.773
Phải thu khác	60.778.556	-
Cộng	7.370.120.134	5.878.431.065
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	-	22.121.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm			Số đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
	VND	VND		VND	VND		
Ký quỹ tại Chittagong - tàu VTB Brave	Trên 3 năm	1.773.308.832	-	1.773.308.832	1.773.308.832	-	1.773.308.832
Cộng		1.773.308.832	-	1.773.308.832	1.773.308.832	-	1.773.308.832

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Công cụ, dụng cụ	21.548.000	-	133.764.000	-
Cộng	21.548.000	-	133.764.000	-

8. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên	22.587.946	26.063.014
Cộng	22.587.946	26.063.014

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	104.724.112	125.912.486
Cước viễn thông	3.452.810	17.500.000
Cộng	108.176.922	143.412.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	97.929.100	97.929.100
Số dư cuối năm	97.929.100	97.929.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	97.929.100	97.929.100
Số dư cuối năm	97.929.100	97.929.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
Số dư cuối năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
Số dư cuối năm	2.346.157.830	367.005.909	81.136.363	2.794.300.102
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	cổ phần	VND	VND	VND	cổ phần	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	1.744.700	17.447.000.000	-	-	1.744.700	17.447.000.000	-	-
Cộng		17.447.000.000				17.447.000.000		

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Ngọc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	870.296.361	870.296.361	862.220.377	862.220.377
Cộng	1.870.296.361	1.870.296.361	1.862.220.377	1.862.220.377
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	-	-	148.500.000	148.500.000

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-

(*) Khoản tạm ứng theo hợp đồng nguyên tắc số 01/2021/HĐNT/ILC-INLAVESCO về việc mua bán vật liệu san lấp trong quá trình giải phóng mặt bằng (lu nền đạt K90) thực hiện dự án Khu trụ sở văn phòng, nhà cán bộ công nhân viên và khu kinh doanh dịch vụ tổng hợp tại xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long để phục vụ việc san lấp mặt bằng tại dự án thi công của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Inlaco.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. Thuế và các khoản phải thu/ phải trả Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	năm VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.984.782	81.172.400	81.172.400	182.984.782
Thuế thu nhập cá nhân	3.854.000	193.407.000	189.553.000	-
Cộng	186.838.782	274.579.400	270.725.400	182.984.782
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	874.197.119	7.012.418.177	7.132.712.089	753.903.207
Thuế thu nhập cá nhân	-	52.789.000	-	52.789.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	46.987.000	46.987.000	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	874.197.119	7.116.194.177	7.183.699.089	806.692.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	3.747.945	225.000.000
Các khoản trích trước khác	49.100.000	-
Cộng	52.847.945	225.000.000

16. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	538.537.542	803.687.317
Bảo hiểm xã hội	389.458.447	637.452.938
Phải trả thuyền viên	131.769.312	252.532.250
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	161.868.490	161.868.490
Các khoản phải trả, phải nộp khác	686.657.126	461.675.231
Cộng	1.908.290.917	2.317.216.226

b. Phải trả dài hạn khác

Kinh phí công đoàn	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

Phải trả khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

-	225.000.000
---	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Dự án Inlaco land	35.300.000	35.300.000	-	-	35.300.000	35.300.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hải Phòng (*)	-	-	9.500.000.000	-	9.500.000.000	9.500.000.000
Tổng	35.300.000	35.300.000	9.500.000.000	-	9.535.300.000	9.535.300.000

(*) Khoản vay ngân hàng TMCP Phương Đông - chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ số 119/HĐTD-HĐBĐ/2021 ngày 30 tháng 12 năm 2021, số tiền vay là 9.500.000.000 đồng, phương thức vay theo từng lần, thời hạn vay là 6 tháng, biện pháp bảo đảm tiền vay là 5 hợp đồng tiền gửi trị giá 10.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 7,2%/năm.

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	6.209.282.511	6.209.282.511	-	80.327.070	6.128.955.441	6.128.955.441
Cộng	6.209.282.511	6.209.282.511	-	80.327.070	6.128.955.441	6.128.955.441

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0090/10/HP, ngày 04 tháng 10 năm 2010, số tiền nhận nợ là 5.500.000 USD, thời hạn vay là 12 năm 8 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 13 tháng trả lãi sau (+) biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để mua tàu ILC Union. Theo công văn số 130/2021/CV-TGDĐ12 ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc bù trừ công nợ và miễn giảm lãi, Công ty được miễn giảm toàn bộ lãi, lãi phạt đã phát sinh và dừng tính lãi số dư nợ gốc còn lại của khoản vay trên. Đối với dư nợ gốc còn lại của khoản vay, Ngân hàng sẽ xem xét xóa nợ trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới theo đúng quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa thực hiện phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn với số tiền là 6.128.955.441 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(102.328.630.206)	5.158.752.173
Lãi trong năm	-	-	-	-	9.237.499.251	9.237.499.251
Số dư đầu năm nay	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(93.091.130.955)	14.396.251.424
Lãi trong năm	-	-	-	-	12.743.001.931	12.743.001.931
Số dư cuối năm nay	61.003.910.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(80.348.129.024)	27.139.253.355

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.100.391	6.100.391
- Cổ phiếu phổ thông	6.100.391	6.100.391
Số lượng cổ phiếu quỹ	21.320	21.320
- Cổ phiếu phổ thông	21.320	21.320
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.079.071	6.079.071
- Cổ phiếu phổ thông	6.079.071	6.079.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê tàu ILC Friendship	762.446.875	762.446.875
Công ty Xuân Việt	454.333.631	454.333.631
Vitranchart QN	191.884.805	191.884.805
Chi nhánh công ty Xuân Việt	117.598.378	117.598.378
Cộng	1.526.263.689	1.526.263.689

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	-	3.194.845.325
Doanh thu dịch vụ hàng hải	3.649.998.235	1.550.230.323
Doanh thu cho thuê thuyền viên	160.215.831.877	108.755.388.633
Doanh thu cho thuê văn phòng	561.852.017	452.615.595
Cộng	164.427.682.129	113.953.079.876
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	28.000.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	-	11.458.546.454
Giá vốn dịch vụ hàng hải	1.109.605.802	559.491.363
Giá vốn cho thuê thuyền viên	142.813.576.764	92.387.501.047
Giá vốn cho thuê văn phòng	444.437.391	423.583.792
Cộng	144.367.619.957	104.829.122.656

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	661.495.799	249.265.707
Lãi chênh lệch tỷ giá	165.350.515	215.136.097
Cộng	826.846.314	464.401.804

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.747.945	769.152.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá	44.547.311	83.948.530
Chi phí tài chính khác	9.513	-
Xóa nợ lãi dự án mua tàu Inlaco Brave và ILC Union	-	(3.955.093.353)
Cộng	48.304.769	(3.101.991.904)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.759.465.919	5.894.930.236
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.429.998	150.170.484
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	52.885.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.828.370.422	1.783.560.810
Chi phí bằng tiền khác	301.883.952	559.768.629
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(448.864.000)
Cộng	8.988.150.291	7.992.451.159

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	-	300.000.000
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	1.237.141.982	9.016.227.103
Các khoản khác	818.654	975.527.565
Cộng	1.237.960.636	10.291.754.668

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí sửa chữa tàu	-	5.496.625.370
Thuế GTGT không được khấu trừ theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2010-2020	84.521.016	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	156.468.715	8.685.016
Chi phí khác	23.250.000	246.844.800
Cộng	264.239.731	5.752.155.186

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	12.824.174.331	9.237.499.251
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(12.824.174.331)	(9.237.499.251)
Các khoản điều chỉnh tăng	351.239.731	66.685.016
Chi phí phạt vi phạm hành chính	240.989.731	8.685.016
Thu lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	87.000.000	58.000.000
Chi phí không được trừ	23.250.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(13.175.414.062)	(9.304.184.267)
Chuyển lỗ các năm trước	(13.175.414.062)	(9.304.184.267)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Truy thu thuế TNDN năm trước	81.172.400	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	81.172.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành (Tiếp theo)

Số lỗ ước tính có thể khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ đã chuyển	Số thuế được	Số lỗ còn được
		trong các kỳ tính thuế trước VND	chuyển trong kỳ tính thuế này VND	chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2016	(8.832.743.642)	-	8.832.743.642	-
2017	(24.726.836.389)	-	4.342.670.420	(20.384.165.969)
2018	-	-	-	-
2019	-	-	-	-
2020	-	-	-	-
Cộng	(33.559.580.031)	-	13.175.414.062	(20.384.165.969)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	5.030.245.849
Chi phí nhân công	145.410.669.187	98.891.569.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.147.317.152	9.147.267.564
Chi phí khác bằng tiền	797.783.909	748.190.482
Cộng	153.355.770.248	113.817.272.947

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	Công ty con
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	

Trong năm có các giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	-	225.000.000
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	28.000.000	-
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	1.202.328.279	135.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	30.800.000	-
Các khoản phải thu khác		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	-	22.121.000
Phải trả người bán		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	-	148.500.000
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	30.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Inlaco	-	225.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Linh Sơn	533.471.000	176.165.000
Ông Lê Trung Hà	-	311.832.000
Ông Nguyễn Văn Biên	422.340.000	340.188.000
Ông Phạm Hồng Hải	484.595.000	278.339.000
Bà Trịnh Thị Nga	87.000.000	58.000.000
Cộng	1.527.406.000	1.164.524.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

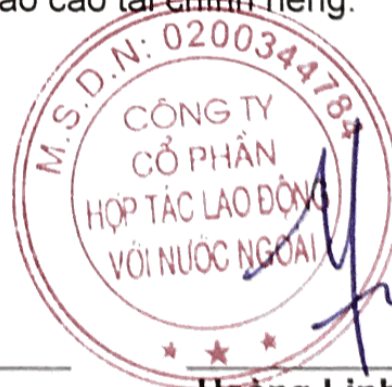
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.



Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu



Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022